



**TRUNG TÂM GIỒNG NÔNG - LÂM NGHIỆP  
QUẢNG NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
<b>1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1-2
<b>2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	3-4
<b>3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018	5-6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018	7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018	8
- Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018	9 – 19

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam (gọi tắt là “Trung tâm”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính (đính kèm) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

### **1. Thông tin khái quát**

Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam được thành lập theo Quyết định thành lập số 3620/QĐ-UBND ngày 05/11/2008, do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam quản lý trực tiếp. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên kể từ ngày 07/01/2015 theo Quyết định giao tự chủ tài chính số 52/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam.

Chức năng, nhiệm vụ chính của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam là dẫn nhập, khảo nghiệm, thực nghiệm, chọn tạo, điều tra bình tuyển, chọn lọc phục tráng, nuôi giữ bảo tồn và phát triển giống cây trồng, vật nuôi; tổ chức sản xuất, cung ứng giống và các loại vật tư thiết bị kỹ thuật, hóa chất, chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định.

Địa chỉ chính tại: Quốc lộ 1A, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Trung tâm có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<b><u>Tên</u></b>	<b><u>Địa chỉ</u></b>
Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	Thôn Vĩnh Xuân, xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
Trại Giống cây trồng Nam Phước	Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
Trại Phát triển giống nầm Điện Ngọc	Khối phố Tứ Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
Trại PTCN Giống cây trồng Tam An	Quốc lộ 1A, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

### **2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Trung tâm được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm của báo cáo này (từ trang 5 đến trang 19).

### **3. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán**

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày lập báo cáo này cần được trình bày trong báo cáo tài chính là Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam đang tiến hành chuyển từ đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần theo Công văn số 850/TTg-ĐMDN ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

### **4. Người đại diện**

Thủ trưởng đơn vị là Ông Nguyễn Đình Vương - Giám đốc Trung tâm.

### **5. Công ty Kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Miền Trung đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Trung tâm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

Ban Giám đốc của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Trung tâm tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Trung tâm sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc khẳng định Trung tâm đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Trung tâm và đảm bảo báo cáo tài chính của Trung tâm tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

**7. Ý kiến của Ban Giám đốc:**

Ban Giám đốc cam kết rằng, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trung tâm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Nam, ngày 10 tháng 06 năm 2019

**Thay mặt Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



*Nguyễn Đình Vương*

Số: 1819-051/FAC-BCKT-BCTC

Quảng Nam, ngày 10 tháng 06 năm 2019

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam**

### **Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, được lập ngày 10/06/2019, từ trang 5 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ kế toán 31/12/2018 nên chúng tôi đã không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 với giá trị lần lượt là 172.932.058 đồng và 348.043.341 đồng. Hạn chế này, chúng tôi không thể khắc phục bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính đúng đắn và tính hiện hữu của khoản mục nêu trên.

2. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Trung tâm đã ghi nhận Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp ước tính chi phí, phương pháp này chưa có cơ sở chắc chắn về tính phù hợp giữa doanh thu và chi phí được ghi nhận trong kỳ. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của nó đến kết quả hoạt động kinh doanh cũng như chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ và các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Trung tâm.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Miền Trung**



**Phó Giám đốc**  
**Lê Thị Vân Trâm**  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1470-2018-099-1

**Kiểm toán viên**  
**Phan Thị Tố Trinh**  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2537-2019-099-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.738.306.523</b>	<b>5.933.242.665</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>1.225.381.637</b>	<b>2.047.984.600</b>
1.	Tiền	111		1.225.381.637	2.047.984.600
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.164.881.545</b>	<b>2.761.973.900</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.006.581.000	1.505.652.900
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	21.000.000	32.989.000
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	137.300.545	1.223.332.000
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>348.043.341</b>	<b>1.058.305.165</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	348.043.341	1.058.305.165
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>64.979.000</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	64.979.000
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.025.947.497</b>	<b>21.121.586.711</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.025.947.497</b>	<b>21.121.586.711</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	13.726.784.497	18.860.328.711
	<i>Nguyên giá</i>	222		31.847.391.221	37.026.873.421
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.120.606.724)	(18.166.544.710)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.299.163.000	2.261.258.000
	<i>Nguyên giá</i>	228		1.299.163.000	2.261.258.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>17.764.254.020</b>	<b>27.054.829.376</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.910.280.231</b>	<b>5.028.815.109</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.910.280.231</b>	<b>5.028.815.109</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	77.280.840	2.414.754.601
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	-	48.804.151
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	25.614.117	13.627.501
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.197.403.652	1.297.962.194
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	300.000.000	936.000.000
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		309.981.622	317.666.662
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.853.973.789</b>	<b>22.026.014.267</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>828.026.292</b>	<b>904.427.556</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		304.687.813	304.687.813
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		523.338.479	599.739.743
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>15.025.947.497</b>	<b>21.121.586.711</b>
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		15.025.947.497	21.121.586.711
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>17.764.254.020</b>	<b>27.054.829.376</b>

*Dương*

**Nguyễn Thị Kim Xuân**  
 Người lập biểu

*Dương*

**Nguyễn Thị Kim Xuân**  
 Kế toán trưởng



*Nguyễn Đình Vương*

**Nguyễn Đình Vương**  
 Giám đốc

Quảng Nam, ngày 10/06/2019



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu B 02 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.191.739.520
2.	Các khoản giảm trừ	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.191.739.520
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.967.498.793
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		224.240.727
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.924.400
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	32.504.642
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.504.642
8.	Chi phí bán hàng	25		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	66.589.899
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		127.070.586
11.	Thu nhập khác	31		-
12.	Chi phí khác	32		-
13.	Lợi nhuận khác	40		-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		127.070.586
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	25.414.117
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		101.656.469
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-

Nguyễn Thị Kim Xuân  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Xuân  
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Vương  
Giám đốc  
Quảng Nam, ngày 10/06/2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo PP gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018


Mẫu B 03 – DN

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018
<b>I.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	127.070.586
2.	Điều chỉnh cho các khoản		
	- Khấu hao tài sản cố định	02	1.788.848.239
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.304.866.575
	- Chi phí lãi vay	06	32.504.642
	- Các khoản điều chỉnh khác	07	(6.095.639.214)
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	157.650.828
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.597.092.355
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	710.261.824
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.486.836.454)
	(không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	64.979.000
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(32.504.642)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.427.501)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.950.000
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(187.692.773)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(188.527.363)
<b>II.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.924.400
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.924.400
<b>III.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	786.000.000
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.422.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(636.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(822.602.963)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.047.984.600
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.225.381.637

  
Nguyễn Thị Kim Xuân  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Kim Xuân  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Đình Vương  
Giám đốc  
Quảng Nam, ngày 10/06/2019

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

- 1. Hình thức sở hữu vốn:** Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất nông, lâm nghiệp.
- 3. Ngành nghề kinh doanh:** Hoạt động sản xuất, dịch vụ nông- lâm nghiệp.
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**  
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Trung tâm được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Trung tâm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Trung tâm Giống Nông- Lâm nghiệp Quảng Nam áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để phục vụ mục đích cổ phần hóa.

Hình thức Kế toán: Chứng từ ghi sổ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

Đồng tiền được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND); các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018*

- Có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước.

**4. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước:**

Các tài sản có thời hạn sử dụng trên 1 năm và nguyên giá dưới 10 triệu đồng, không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân loại lại thành chi phí trả trước dài hạn.

**5. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**

Tài sản cố định được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn: có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên và có nguyên giá từ 10.000.000 đồng trở lên. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Trung tâm phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ. Tài sản cố định được phân loại và trình bày theo TT 162/2014/TT-BTC nhằm phục vụ mục đích của đơn vị.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng tài sản khấu hao phù hợp với Thông tư số 162/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2014. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian sử dụng để tính hao mòn (năm)</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

**6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả thương mại, khoản vay và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Nếu:

- Có thời hạn thanh toán có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc dưới một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại nợ dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B09-DN

**7. Ghi nhận tiền lương:**

Quy tiền lương thực hiện được xác nhận trên cơ sở tiền lương thực tế trả cho người lao động theo biên chế Nhà nước.

**8. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Trung tâm đang thực hiện**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

**10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**11. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	172.932.058	157.000.808
Tiền gửi Ngân hàng	1.052.449.579	1.890.983.792
<b>Cộng</b>	<b>1.225.381.637</b>	<b>2.047.984.600</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>- Văn phòng trung tâm</b>	<b>101.840.000</b>	<b>80.387.000</b>
Phòng Nông nghiệp và PTNT Duy Xuyên	10.500.000	10.500.000
Công ty CP tập đoàn Điện Biên	12.500.000	-
Trường Đại học Quảng Nam	24.000.000	-
Trần Văn Năm	-	15.047.000
Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông	54.840.000	54.840.000
<b>- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung</b>	<b>-</b>	<b>273.433.100</b>
Đỗ Thị Hẹ	-	101.920.100
Công ty TNHH Giống cây trồng Tiên Hải	-	118.876.000
Các đối tượng khác	-	52.637.000
<b>- Trại Giống cây trồng Nam Phước</b>	<b>904.741.000</b>	<b>700.808.400</b>
Phạm Long	265.900.000	149.732.000
Công ty TNHHGCT Tiên Hải	-	-
Công ty CP Giống cây trồng Đông Nam	-	141.500.000
Công ty Thiên An Nông	59.285.000	21.000.000
Phan Thị Bích Ngọc	100.600.000	21.000.000
Trần Thị Sương	193.200.000	21.000.000
Các đối tượng khác	285.756.000	377.376.400
<b>- Trại Phát triển giống nấm Điện Ngọc</b>	<b>-</b>	<b>44.300.000</b>
BQLXD mô hình NTM xã Tam Phước	-	23.000.000
Các đối tượng khác	-	21.300.000
<b>- Trại PTCN Giống cây trồng Tam An</b>	<b>-</b>	<b>406.724.400</b>
Công ty TNHH Nông nghiệp Duyên Hải	-	379.004.400
Trạm KN-KL huyện Tiên Phước	-	27.720.000
<b>Cộng</b>	<b>1.006.581.000</b>	<b>1.505.652.900</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B09-DN

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	21.000.000	31.507.000
Hộ nhận khoán	21.000.000	30.524.000
Các đối tượng khác	-	983.000
- Trại Giống cây trồng Nam Phước	-	1.482.000
Hà Phước Liễu	-	1.482.000
<b>Cộng</b>	<b>21.000.000</b>	<b>32.989.000</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	89.500.000	534.318.000
Phải thu ngắn hạn khác (*)	47.800.545	689.014.000
<b>Cộng</b>	<b>137.300.545</b>	<b>1.223.332.000</b>

(\*) Phải thu ngắn hạn khác, gồm:

Dự án hạ tầng giống	13.935.000	13.935.000
Dự án nông thôn miền núi	-	361.828.000
Phải thu ngắn hạn khác	33.865.545	313.251.000
<b>Cộng</b>	<b>47.800.545</b>	<b>689.014.000</b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	37.390.180	-	185.223.280	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.590.480	-
Chi phí SX KD DD	3.219.200	-	700.996.905	-
Thành phẩm	287.433.961	-	155.861.000	-
Hàng hóa	20.000.000	-	14.633.500	-
<b>Cộng</b>	<b>348.043.341</b>	<b>-</b>	<b>1.058.305.165</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B09-DN

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2018	32.348.186.628	4.319.114.293	359.572.500	37.026.873.421
Thanh lý, nhượng bán	(4.645.915.000)	(242.189.200)	-	(4.888.104.200)
Giảm do phân loại lại	-	(291.378.000)	-	(291.378.000)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>27.702.271.628</b>	<b>3.785.547.093</b>	<b>359.572.500</b>	<b>31.847.391.221</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2018	14.970.917.042	2.907.969.668	287.658.000	18.166.544.710
Hao mòn trong kỳ	1.415.631.653	349.233.100	23.983.486	1.788.848.239
Thanh lý, nhượng bán	(1.343.551.150)	(205.389.200)	-	(1.548.940.350)
Giảm do phân loại lại	-	(285.845.875)	-	(285.845.875)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.042.997.545</b>	<b>2.765.967.693</b>	<b>311.641.486</b>	<b>18.120.606.724</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2018	17.377.269.586	1.411.144.625	71.914.500	18.860.328.711
Tại ngày 31/12/2018	12.659.274.083	1.019.579.400	47.931.014	13.726.784.497

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.243.758.000	17.500.000	2.261.258.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.500.000)	(10.500.000)
Giảm do phân loại lại	-	(7.000.000)	(7.000.000)
Giảm khác	(944.595.000)	-	(944.595.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.299.163.000</b>	<b>-</b>	<b>1.299.163.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Hao mòn trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	2.243.758.000	17.500.000	2.261.258.000
Tại ngày cuối năm	1.299.163.000	-	1.299.163.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>- Văn phòng trung tâm</b>	-	<b>1.749.932.161</b>
Viện nghiên cứu và phát triển Lâm nghiệp	-	1.500.000.000
Công ty CP Phát triển giống gia súc Miền Trung	-	75.250.000
Công ty CP Dưỡng khí Đà Nẵng	-	106.604.000
Các đối tượng khác	-	68.078.161
<b>- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung</b>	<b>54.880.840</b>	<b>114.554.840</b>
Lý Thị Kính	39.492.000	39.492.000
Ngô Văn Hiệu	10.557.800	40.466.800
Các đối tượng khác	4.831.040	34.596.040
<b>- Trại Giống cây trồng Nam Phước</b>	<b>22.400.000</b>	<b>137.176.100</b>
Công ty nhựa Đà Nẵng	15.000.000	32.036.000
Ngô Tuyển	-	94.360.100
Nguyễn Nho Dũng	-	94.360.100
Các đối tượng khác	7.400.000	10.780.000
<b>- Trại Phát triển giống nầm Điện Ngọc</b>	-	<b>34.341.500</b>
Võ Văn Ty	-	31.696.500
Các đối tượng khác	-	2.645.000
<b>- Trại PTCN Giống cây trồng Tam An</b>	-	<b>378.750.000</b>
Viện nghiên cứu và phát triển Lâm nghiệp	-	63.550.000
Nguyễn Thị Tạng	-	72.500.000
Công ty CP Giống lâm nghiệp vùng Nam Bộ	-	115.200.000
DNTN Dịch vụ cây trồng Nguyễn Hạnh	-	38.000.000
Công ty TNHH dược liệu Việt Huy Phát	-	20.000.000
Các đối tượng khác	-	89.500.000
<b>Cộng</b>	<b>77.280.840</b>	<b>2.414.754.601</b>

**9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung</b>	-	<b>32.760.000</b>
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Minh Tâm	-	32.760.000
<b>- Các đối tượng khác</b>	-	<b>16.044.151</b>
<b>Cộng</b>	-	<b>48.804.151</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Phải nộp trong kỳ</i>	<i>Đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.627.501	25.414.117	13.627.501	25.414.117
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.320.000	7.120.000	200.000
<b>Cộng</b>	<b>13.627.501</b>	<b>32.734.117</b>	<b>20.747.501</b>	<b>25.614.117</b>

**11. Phải trả ngắn hạn khác**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	-	9.572.286
Phải trả ngắn hạn khác (*)	1.197.403.652	1.288.389.908
<b>Cộng</b>	<b>1.197.403.652</b>	<b>1.297.962.194</b>

(\*) Phải trả ngắn hạn khác, gồm:

- Văn phòng trung tâm	1.197.403.652	972.708.908
Kinh phí thực hiện quyết định 35/QĐ-UBND	432.329.208	432.329.208
Đề tài trâu	119.188.168	371.272.000
Dự án nông thôn miền núi	472.240.176	-
Các đối tượng khác	173.646.100	169.107.700
- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	-	220.000.000
Tiền góp vốn đầu tư	-	220.000.000
- Trại Giống cây trồng Nam Phước	-	15.681.000
Đỗ Đình Nam	-	15.681.000
- Trại Phát triển giống nầm Điện Ngọc	-	80.000.000
Hà Đức Năm	-	80.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.197.403.652</b>	<b>1.288.389.908</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B09-DN

**12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Số cuối kỳ
- Trại PTCN Giống cây trồng Tam An	936.000.000	46.000.000	982.000.000	-
Võ Thị Huệ	300.000.000	-	300.000.000	-
Nguyễn Thị Thủy	230.000.000	-	230.000.000	-
Nguyễn Văn Linh	86.000.000	-	86.000.000	-
Phạm Hải Hưng	140.000.000	-	140.000.000	-
Phan Hùng Vĩnh	110.000.000	40.000.000	150.000.000	-
Trần Thị Đông Tín	70.000.000	-	70.000.000	-
Các đối tượng khác	-	6.000.000	6.000.000	-
- Trại Giống cây trồng Nam Phước	-	740.000.000	440.000.000	300.000.000
Lê Thị Bé	-	90.000.000	90.000.000	-
Đoàn Thị Lựu	-	90.000.000	90.000.000	-
Phạm Thị Kiều Trinh	-	90.000.000	90.000.000	-
Trần Thị Vũ Tâm	-	90.000.000	90.000.000	-
Nguyễn Thị Thủy	-	30.000.000	30.000.000	-
Các đối tượng khác	-	350.000.000	50.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>936.000.000</b>	<b>786.000.000</b>	<b>1.422.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

**- Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Các quỹ đầu tư phát triển	Lãi/(Lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu năm nay	304.687.813	599.739.743	-	904.427.556
- Lãi trong năm	-	-	101.656.469	101.656.469
- Trích lập quỹ bổ sung thu nhập, nguồn cải cách tiền lương	-	-	(101.656.469)	(101.656.469)
- Chi từ quỹ đầu tư phát triển	-	(76.401.264)	-	(76.401.264)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>304.687.813</b>	<b>523.338.479</b>	<b>-</b>	<b>828.026.292</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B09-DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2018</b>
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	7.191.739.520
<b>Cộng</b>	<b>7.191.739.520</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2018</b>
Giá vốn hàng hóa	6.967.498.793
<b>Cộng</b>	<b>6.967.498.793</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2018</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	1.924.400
<b>Cộng</b>	<b>1.924.400</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2018</b>
Chi phí tài chính khác	32.504.642
<b>Cộng</b>	<b>32.504.642</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	
Các khoản chủ yếu trong chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:	<b>Năm 2018</b>
Chi phí nhân viên quản lý	32.827.520
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	33.762.379
<b>Cộng</b>	<b>66.589.899</b>
<b>6. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>Năm 2018</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.070.586
Thu nhập chịu thuế TNDN	127.070.586
Thu nhập tính thuế TNDN	127.070.586
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>25.414.117</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B09-DN

**VI. Thông tin khác**

**1. Nguồn kinh phí**

	<u>Số tiền</u>
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm 2018	4.583.763.400
- Chi sự nghiệp trong năm 2018	4.124.339.159
+ Chi không thường xuyên- Tạm ứng	-
+ Chi không thường xuyên- Thực chi	4.124.339.159
- Nguồn kinh phí còn lại	459.424.241

**2. Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày lập báo cáo này cần được trình bày trong báo cáo tài chính là Trung tâm Giống Nông - Lâm Quảng Nam đang tiến hành chuyển từ đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Công văn số 850/TTg-ĐMDN ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 180/TB-UBND ngày 20 tháng 05 năm 2019 về gia hạn thời gian xác định cổ phần hoá doanh nghiệp của Trung tâm Giống Nông Lâm nghiệp Quảng Nam đến ngày 31/12/2018.

**3. Thông tin khác**

- Báo cáo tài chính năm 2017 chưa được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập.
- Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập, năm 2017 Trung tâm lập báo cáo tài chính theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài Chính. Hiện nay Trung tâm đang thực hiện khóa sổ để tiến hành cổ phần hóa theo Công văn số 850/TTg-ĐMDN ngày 24/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ, nên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó, số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được trình bày sắp xếp lại theo quy định, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh.

**Nguyễn Thị Kim Xuân**  
Người lập biểu

**Nguyễn Thị Kim Xuân**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Đình Vương**  
Giám đốc  
Quảng Nam, ngày 10/06/2019